

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày 22/01/2024

V/v TC hợp đồng cầm cố tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Hè;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Đăng Việt - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên;

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 38/2023/TLST-DS, ngày 11/10/2023 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-DS, ngày 18/12/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 05/01/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH S (Vắng mặt);

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo pháp luật: Ông Prart J - Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Chi nhánh H - Công ty TNHH S; địa chỉ: Số E, Tiểu khu G, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Do ông Trần Anh T là đại diện (đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện và tham gia tố tụng).

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Mạnh T1, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

HKTT/Địa chỉ: Số H B, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đại diện của nguyên đơn là ông Trần Anh T trình bày:

Ngày 24/06/2022 Công ty TNHH S - Chi nhánh H (Sau đây gọi tắt là Công ty S); địa chỉ: Số E, tiểu khu G, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình và ông Hoàng Mạnh T1, sinh năm 1976; HKTT: Số H B, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên có ký hợp đồng cầm cố số HYM220601007NA21X và phụ lục hợp đồng cầm cố, để cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại Wave; số máy

JA39E2493165; số khung RLHJA3920MY468258; biển kiểm soát 89B2 - 148.49; giấy chứng nhận đăng ký số 020210, cấp ngày 27/01/2022 mang tên Hoàng Mạnh T1 để lấy số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng chẵn*), thời hạn cầm cố là 06 tháng (*Kể từ 24/06/2022 đến ngày 24/12/2022*), lãi suất cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cố định, phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, phí phạt 8%/số tiền vi phạm; trả gốc, lãi theo kỳ. Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã giải ngân cho ông Hoàng Mạnh T1 đủ số tiền 8.000.000 đồng.

Do có nhu cầu mượn lại tài sản đã cầm cố để sử dụng, Công ty S đã đồng ý cho ông T1 mượn lại tài sản cầm cố bằng “Giấy mượn xe” ngày 24/6/2022 với thời hạn 30 ngày (*Từ ngày 24/06/2022 đến hết ngày 24/07/2022*) và thỏa thuận phí bảo dưỡng, hao mòn 168.000 đồng/1 tháng. Công ty S đã bàn giao tài sản cầm cố cho ông T1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 không thanh toán được khoản tiền gốc, tiền lãi, tiền phí và trả lại tài sản cầm cố đã mượn theo các nội dung đã thỏa thuận. Do ông T1 vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản và giấy mượn xe nên Công ty S khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên buộc ông Hoàng Mạnh T1 có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, tiền lãi, tiền phí theo hợp đồng cầm cố tài sản với tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2023 là 13.421.000 đồng cho Công ty S.

- Tuyên buộc ông Hoàng Mạnh T1 phải giao trả lại chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 89B2-148.49 cho Công ty S để hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản, các giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 15/12/2023, nguyên đơn thay đổi quan điểm, rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút phần yêu cầu “Tuyên buộc ông Hoàng Mạnh T1 phải giao trả lại chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 89B2-148.49 cho Công ty S để hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản, các giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật”.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2023, bị đơn ông Hoàng Mạnh T1 trình bày:

Ngày 24/06/2022 ông T1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản là chiếc máy Honda Wave biển kiểm soát 89B2 - 148.49 thuộc sở hữu của ông cho Công ty TNHH S - Chi nhánh H để lấy 8.000.000 đồng là đúng. Tuy nhiên ông chỉ nhận được số tiền chuyển vào tài khoản là 7.300.000đ, ông có thắc mắc thì giải thích là Công ty giữ lại 700.000 đồng.

Ông T1 đã được Tòa án cho xem các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như: Phiếu đăng ký cầm cố; hợp đồng cầm cố; phụ lục hợp đồng cầm cố; giấy mượn xe; giấy ủy quyền ... và xác nhận chữ ký Hoàng Mạnh T1 trong các văn bản đó đúng là chữ viết, chữ ký của ông.

Ông T1 xác nhận từ khi nhận được số tiền 7.300.000đ của Công ty S đến nay ông chưa trả được số tiền gốc, tiền lãi, tiền phí nào cho nguyên đơn. Nay ông T1 xác định chỉ nợ tiền gốc là 7.300.000đ và yêu cầu bên khởi kiện có mặt để làm rõ số tiền gốc, lãi.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave biển kiểm soát 89B2-148.49 cầm cố mà ông đã mượn lại của Công ty S, hiện nguyên đơn đang giữ giấy đăng ký xe gốc của ông. Vấn đề này ông cũng mong muốn nguyên đơn, bị đơn gặp gỡ nhau để nói chuyện cụ thể.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T1 đến làm việc và tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn xin xét xử vắng mặt và nộp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ. Tại đơn trình bày đề ngày 22/01/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Hoàng Mạnh T1 có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, tiền lãi, tiền phí theo hợp đồng cầm cố tài sản, giấy mượn xe, tính đến ngày 22/01/2024, cụ thể: Tiền gốc còn lại tính đến 22/01/2024: 8.000.000đ; tiền lãi 1,1%/tháng và phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng tính đến 22/01/2024: 453.925đ; tiền phí mượn xe 2,1%/tháng tính đến 22/01/2024: 1.008.000đ; tiền lãi quá hạn, phạt vi phạm tính đến 22/01/2024: 5.299.672đ. Tổng cộng là 14.761.597 đồng.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Hợp đồng cầm cố số HYM220601007NA21X, phụ lục hợp đồng; giấy mượn xe cùng ngày 24/06/2022 giữa các đương sự là phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

- Thỏa thuận về tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản, phí phạt chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Dân sự nên chỉ có căn cứ chấp nhận khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm. Không chấp nhận khoản tiền phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm.

- Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 020210 do Công an tỉnh H cấp ngày 18/01/2022 mang tên Hoàng Mạnh T1 sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, do nguyên đơn rút yêu cầu về việc tuyên buộc bị đơn phải trả lại tài sản cầm cố mà nguyên đơn cho bị đơn mượn lại.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Mạnh T1 trả lại tiền phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”; ông T1 đăng ký HKTT tại: Số H B, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Mạnh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn nộp đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hợp đồng cầm cố tài sản:

Ngày 24/6/2022, ông Hoàng Mạnh T1 cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 89B2-148.49, số máy JA39E2493156, số khung RLHJA3920MY468258, thuộc quyền sở hữu của mình cho Công ty TNHH S - Chi nhánh H để lấy số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 06 tháng (*từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/12/2022*). Nguyên, bị đơn có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; hợp đồng cầm cố được các bên tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng cầm cố số HYM220601007NA21X và phụ lục hợp đồng cầm cố giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về hợp đồng mượn lại tài sản cầm cố:

Sau khi ký hợp đồng cầm cố số HYM220601007NA21X, nguyên đơn đã đồng ý cho ông T1 mượn lại tài sản cầm cố theo “Giấy mượn xe” lập ngày 24/6/2022 với thời hạn 30 ngày (*từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/7/2022*). Việc thỏa thuận mượn tài sản cầm cố giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với Điều 313, 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng mượn lại tài sản cầm cố có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Về vi phạm hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản cầm cố:

Sau khi ký hợp đồng cầm cố, nguyên đơn đã giao đủ số tiền 8.000.000đ cho bị đơn, nhưng ngay từ thời hạn thanh toán đầu tiên (*tháng 7/2022*) cho đến nay, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào; không trả lại tài sản đã mượn khi hết thời hạn là vi phạm thỏa thuận về thời hạn thanh toán theo khoản 1 Điều 4 của hợp đồng cầm cố và quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Do ông T1 vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe cùng lập ngày 24/6/2022 nên nguyên đơn khởi kiện, buộc ông T1 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản và giấy mượn xe là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về lãi suất, các khoản phí và phạt vi phạm:

- Về lãi suất và các khoản phí: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không giải trình, phân tích được cách tính (công thức tính) để tách biệt, cá thể hóa các khoản tiền mà nguyên đơn gọi là “Phí quản lý hồ sơ”, “Phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản”; không đưa ra được tính hợp pháp và có căn cứ của những khoản phí này mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật dân sự về “Cầm cố tài sản”.

Trong khi đó, theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự về “Cầm cố tài sản” chỉ là một trong những biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trong vụ án này là nghĩa vụ vay tiền. Như vậy, giao kết giữa các bên thực chất là giao kết hợp đồng vay tiền. Xét thấy “Hợp đồng cầm cố tài sản” và “Giấy mượn tài sản” nêu trên có bản chất là hợp đồng vay tài sản là tiền giữa cá nhân, pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng với nhau (*không phải là hợp đồng tín dụng*) nên chỉ được áp dụng quy định về lãi, lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà không được áp dụng quy định về lãi, lãi suất theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Việc các bên thỏa thuận về khoản tiền “phí quản lý hồ sơ”, “phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản” là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, nhưng chưa phù hợp với quy định của pháp luật về “Hợp đồng cầm cố tài sản” và “Hợp đồng mượn tài sản” nên chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn trên khoản tiền gốc chưa thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm mà không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu khoản tiền là phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng/dư nợ gốc; phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản 21,%/tháng/dư nợ gốc.

- Về phạt vi phạm: Theo thỏa thuận tại Điều 11 của hợp đồng cầm cố và mục 6 của phụ lục hợp đồng cầm cố thì bên cầm cố phải chịu phạt vi phạm với mức 8% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm. Việc thỏa thuận phạt vi phạm của các bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 418 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn rút một phần yêu cầu về việc “Tuyên buộc ông Hoàng Mạnh T1 phải giao trả lại chiếc xe máy Honda Wave mang biển kiểm soát 89B2-148.49 cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của nguyên đơn để hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản các giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật”.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều

217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc tuyên buộc ông Hoàng Mạnh T1 phải giao trả lại chiếc xe máy Honda Wave mang biển kiểm soát 89B2-148.49 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S.

[3.6] Về xác định số tiền gốc bị đơn đã nhận:

Bị đơn xác nhận, bị đơn cầm cố tài sản để lấy 8.000.000đ là đúng. Tuy nhiên thực tế bị đơn chỉ nhận được số tiền nguyên đơn chuyển vào tài khoản là 7.300.000đ, do vậy bị đơn chỉ chấp nhận tiền nợ gốc là 7.300.000đ. Bị đơn đưa ra yêu cầu nhưng không đưa ra được căn cứ, không đến Toà án làm việc; tại phiên tòa nguyên đơn đã cung cấp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn tự nguyện thực hiện nghĩa vụ về bảo hiểm sức khỏe cho người vay, phí đảm bảo tài sản, phí ban đầu... khi ký hợp đồng cầm cố, do đó yêu cầu của ông T1 không được chấp nhận mà cần xác định ông T1 nợ nguyên đơn số tiền gốc là 8.000.000 đồng.

[4] Từ những nhận định nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông Hoàng Mạnh T1 phải trả cho Công ty TNHH S khoản tiền gốc, tiền lãi, tiền lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm tính đến ngày 22/01/2024 như sau:

- Tiền gốc: 8.000.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/12/2022 là 06 tháng) = $8.000.000đ \times 1,1\%/tháng \times 06 \text{ tháng} = 528.000 \text{ đồng};$

- Tiền lãi trên kỳ hạn nợ gốc quá hạn chưa trả (từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/12/2022 là 06 kỳ, mỗi kỳ tương ứng số tiền gốc phải trả: 1.333.333,3đ) = 330.000 đồng, cụ thể:

+ Kỳ 1 (tháng 8/2022) = $1.333.333,3đ \times (1,1\%/tháng \times 150\%) \times 01 \text{ tháng} = 21.999đ$ (làm tròn thành 22.000đ).

+ Tương tự kỳ 2 (tháng 9/2022) = 44.000đ; kỳ 3 (tháng 10/2022) = 66.000đ; Kỳ 4 (tháng 11/2022) = 88.000đ; Kỳ 5 (tháng 12/2022) = 110.000đ.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/12/2023 là 12 tháng) = $8.000.000đ \times (1,1\%/tháng \times 150\%) \times 12 \text{ tháng} = 1.584.000 \text{ đồng}.$

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (từ ngày 24/12/2023 đến ngày 22/01/2024 là 28 ngày) = $8.000.000đ \times (1,1\%/tháng \times 150\% : 30 \text{ ngày}) \times 28 \text{ ngày} = 123.200 \text{ đồng}.$

- Tiền phạt vi phạm: $8.000.000đ \times 8\% = 640.000 \text{ đồng}.$

Tổng tiền gốc; tiền lãi trong hạn; tiền lãi quá hạn; tiền phạt vi phạm là: 11.205.200 đồng.

Như vậy, ngoài khoản tiền gốc thì số tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền phí quản lý hồ sơ, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản của nguyên đơn không được chấp nhận là: 3.556.397 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận tương ứng với số tiền 11.205.200 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận tương ứng với số tiền 3.556.397 đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 238; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều từ Điều 309 đến Điều 316; Điều 418; Điều 466; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S.
2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên buộc ông Hoàng Mạnh T1 phải giao trả lại chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 89B2-148.49 cho Công ty TNHH S để hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản các giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật.
3. Buộc ông Hoàng Mạnh T1 phải trả cho Công ty TNHH S số tiền tính đến ngày 22/01/2024 là: 11.205.200 đồng (*Mười một triệu hai trăm linh năm nghìn hai trăm đồng*).

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu trả lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Sau khi ông Hoàng Mạnh T1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả tiền, Công ty TNHH S phải trả lại cho ông Hoàng Mạnh T1 bản chính của Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 020210 do Công an tỉnh H cấp ngày 18/01/2022 mang tên Hoàng Mạnh T1.

5. Về án phí:

Ông Hoàng Mạnh T1 phải chịu 560.000đ (*Năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 335.500 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0001572 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Trả lại Công ty TNHH S số tiền 35.500đ (*Ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thương